

TỈNH ỦY CAO BẰNG
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 220-CV/BTGTU

V/v gửi Tài liệu tham khảo tháng 5/2021

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 28 tháng 5 năm 2021

VĂN PHÒNG UBND TỈNH CAO BẰNG	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: 01/6/21
	Chuyên:.....
	Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: - Báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh Cao Bằng,
- Báo cáo viên cấp tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các huyện, thành ủy,
Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và khó lường, tháng 5/2021, Ban Tuyên giáo Trung ương không tổ chức Hội nghị Báo cáo viên thường kỳ.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2021, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn Tài liệu tham khảo tháng 5/2021. Đề nghị các đồng chí báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh Cao Bằng, báo cáo viên cấp tỉnh, các địa phương, đơn vị, căn cứ nội dung Tài liệu tham khảo (gửi kèm theo) để triển khai thực hiện công tác tuyên truyền tại địa phương, đơn vị.

Đề nghị các đồng chí quan tâm thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU (p/h),
- Lãnh đạo Ban,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Bế Dũng

VĂN PHÒNG UBND TỈNH CAO BANG	
Số:	
Đến	
Ngày:	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	



TỈNH ỦY CAO BẰNG
BAN TUYÊN GIÁO

*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THÁNG 5 - 2021

(Lưu hành nội bộ)

1. Phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; những điểm mới trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học năm 2021.
2. Một số kết quả thực hiện công tác đối ngoại nhân dân giai đoạn 2015 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025.
3. Kết quả 03 năm xây dựng và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng (2018 - 2020); phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025.
4. Định hướng công tác tuyên truyền thời gian tới.

TÀI LIỆU THÔNG TIN CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO DÙNG CHO BÁO CÁO VIÊN

Chuyên đề 01:

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG; NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2021

I. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

1. Các định hướng trong Văn kiện Đại hội Đảng về giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực

Xác định rõ nhân lực là nguồn tài nguyên đặc biệt quan trọng trong sự phát triển mỗi quốc gia và con người với tư cách là nguồn nhân lực chiếm vị trí trung tâm trong phát triển nguồn lực, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) đất nước, Đảng và Chính phủ luôn đề cao việc phát triển nguồn nhân lực quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới của các thời kỳ phát triển đất nước. Cụ thể:

Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, Ban chấp hành Trung ương đã đưa ra Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 về đổi mới, căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong đó đã đưa ra các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu định hướng đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng, nội dung GD&ĐT được đề cập ở mục “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ”.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, GD&ĐT được nhấn mạnh với nội dung “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới*”. Xác định phát triển GD&ĐT gắn với đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của GD&ĐT, yêu cầu phải “*Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước*” và “*Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy*

khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Văn kiện đã xác định rõ mục tiêu của GD&ĐT trong giai đoạn 2021 - 2030 là: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới; đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu, tạo dựng nền tảng kỹ năng nhận thức và hành vi cho từ bậc học sinh tiểu học, học sinh phổ thông và phát triển đến đào tạo chuyên sâu; sớm thực hiện đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông (THPT) thông qua các chương trình hướng nghiệp cho học sinh; đào tạo nghề người lao động, trong đó có dạy nghề và đào tạo nghề.

2. Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao

Trong thập kỷ vừa qua, quy mô nguồn nhân lực nước ta được mở rộng, lực lượng lao động tăng từ gần 50,4 triệu người năm 2010 lên khoảng 54,6 triệu người năm 2020 với cơ cấu hợp lý hơn, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện đáng kể, ngày càng phù hợp với nhu cầu thị trường. Tỷ lệ lao động qua đào tạo cũng tăng từ 40% (năm 2010) lên 64% (năm 2020). Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,6% (năm 2010) lên 24,5% (năm 2020)².

Trong giáo dục đại học (GDĐH), nhằm tăng cường chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao, Bộ GD&ĐT đẩy mạnh kiểm định chất lượng các cơ sở GDĐH và các chương trình đào tạo bởi các tổ chức kiểm định chất lượng độc lập trong nước và quốc tế, định kỳ công khai, minh bạch kết quả kiểm định chất lượng trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT. Đến ngày 31/12/2020, Việt Nam đã có 261 trường hoàn thành báo cáo tự đánh giá (235 trường đại học (ĐH) và 26 trường cao đẳng sư phạm (CĐSP)), 172 trường được đánh giá ngoài (162 trường ĐH và 10 trường CĐSP), 163 trường được công nhận đạt chất lượng kiểm định (153 trường ĐH và 10 trường CĐSP). Bên cạnh đó, một số trường ĐH đã tham gia xếp hạng quốc tế, có thứ hạng ngày càng cao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Năm 2018, lần đầu tiên Việt Nam có 02 đại diện trong top 1.000 trường ĐH tốt nhất thế giới là Trường ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trường ĐH Quốc gia Hà Nội³. Năm 2019, Trường ĐH Tôn Đức Thắng có tên trong bảng những ĐH có ảnh hưởng nhất đến sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội toàn cầu - THE Impact Rankings⁴ và thuộc nhóm 101-200 trong 462 trường ĐH tham gia. Đến năm 2020, có thêm Trường ĐH Bách khoa Hà Nội và cả 02 trường đại học đều trong top 301-400. Năm 2021, Việt Nam có 11 cơ sở giáo

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2021, tr. 136.

² Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2011 - 2020

³ Theo Bảng xếp hạng đại học thế giới 2019 do World University Rankings xếp hạng và công bố, viết tắt là QS 2019.

⁴ THE Impact Rankings là bảng xếp hạng của Tạp chí Times Higher Education (Liên hiệp Anh) đo lường sự thành công của các tổ chức GDĐH trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals: SDGs) theo chuẩn của Liên Hiệp Quốc.

dục ĐH¹ nằm trong top 650 của Bảng xếp hạng các trường ĐH châu Á của QS năm 2021. Có 07 trường ĐH của Việt Nam đạt kiểm định của Tổ chức quốc tế (05 trường đạt kiểm định của tổ chức HCERES và 02 trường đạt kiểm định bởi AUN-QA)².

Về kiểm định chương trình đào tạo, có 360 chương trình đào tạo hoàn thành báo cáo tự đánh giá của 71 trường ĐH, 260 chương trình đào tạo đã được đánh giá ngoài và 176 chương trình đào tạo đã được công nhận đạt kiểm định theo chuẩn Việt Nam của 48 trường ĐH; 212 chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn nước ngoài của 36 trường ĐH.

Chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của các trường có nhiều chuyển biến rõ rệt, số công trình khoa học được công bố quốc tế tăng mạnh. Theo Cơ sở dữ liệu Elsevier, số bài báo quốc tế trong danh mục Scopus (đã bao gồm ISI) của Việt Nam đã tăng mạnh trong những năm gần đây: Năm 2018 là 8.783 bài, năm 2019 là 12.566 bài, năm 2020 khoảng 20.000 bài; trong đó số công trình công bố của các cơ sở GDĐH đóng góp khoảng 94 - 95% cả nước.

Năm 2020, GDĐH gặt hái được nhiều thành công: Theo THE Emerging Economies University Rankings, Việt Nam có 03 trường ĐH lọt vào top 500 trường ĐH hàng đầu tại các quốc gia có nền kinh tế mới nổi 2020³; có 08 cơ sở GDĐH thuộc top 500 các trường ĐH châu Á của QS 2020; có 03 cơ sở GDĐH được THE Times Higher Education công bố thứ hạng, trong đó 02 cơ sở GDĐH thuộc top 1.000 cơ sở GDĐH hàng đầu thế giới⁴.

Chương trình đào tạo ĐH gắn kết ngày càng cao với nhu cầu lao động của địa phương, với các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, hỗ trợ khởi nghiệp đối với học sinh, sinh viên đã được triển khai tích cực. Hầu hết các cơ sở GDĐH đã tập trung quan tâm tới việc đổi mới, phát triển chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT và Khung trình độ quốc gia Việt Nam⁵.

¹ Trường ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh TP.HCM (158), Trường ĐH Quốc gia Hà Nội (160), Trường ĐH Tôn Đức Thắng (163), Trường ĐH Bách khoa Hà Nội (301-350), Trường ĐH Duy Tân (351-400), Trường ĐH Huế (401-450), Trường ĐH Đà Nẵng (401-450), Trường ĐH Cần Thơ (451-500), Trường ĐH Sư phạm Hà Nội (551-600), Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM (601+), Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (601+).

² Trường ĐH Bách khoa (ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), Trường ĐH Bách khoa (ĐH Đà Nẵng), Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH Xây dựng, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội), Trường ĐH Tôn Đức Thắng, Trường ĐH Quốc tế (ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

³ Gồm: Trường ĐH Quốc gia Hà Nội (thuộc nhóm 201-250), Trường ĐH Bách khoa Hà Nội (nhóm 251-300) và Trường ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc nhóm 401-500)

⁴ Theo Bảng xếp hạng World University Rankings 2020 by subject của THE, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội có các ngành Kỹ thuật và công nghệ (301-400) và Khoa học máy tính (601+); Trường ĐH Quốc gia Hà Nội có các ngành Kỹ thuật và công nghệ (401-500), Khoa học vật lý (601-800); Trường ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có các ngành Kỹ thuật và công nghệ (601-800) và Khoa học vật lý (801+). Ngày 24/6/2020, tổ chức Giáo dục Quacquarelli Symonds (QS) Anh quốc công bố Bảng xếp hạng QS top 50 cho 150 đại học hàng đầu thế giới thành lập dưới 50 năm, Trường ĐH Quốc gia Hà Nội và Trường ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc top 101-150. Tạp chí Times Higher Education cũng công bố Bảng xếp hạng đại học THE Best 'Golden Age' universities 2020, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội lọt nhóm 200 trường ĐH "độ tuổi vàng" tốt nhất thế giới...

⁵ Theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Việc chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua Internet, truyền hình và tăng cường các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học với giáo dục, kết hợp với giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội để đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế... đã tạo ra các chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả trong GD&ĐT, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Các thách thức, khó khăn và cơ hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao trong tương lai

Thứ nhất, chuyển đổi số đã làm thay đổi nhu cầu nguồn nhân lực cả về trình độ, lĩnh vực ngành nghề và năng lực nghề nghiệp, yêu cầu số lượng lớn nguồn nhân lực trình độ cao và có kỹ năng chuyên sâu phải chuyên sâu liên quan tới công nghệ thông tin và kỹ thuật số, thay thế các vị trí lao động giản đơn, trình độ thấp của các ngành nghề truyền thống. Yêu cầu người lao động phải liên tục học tập nâng cao chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao và luôn thay đổi. Do vậy, người lao động cần phải được trang bị kiến thức nền tảng chuyên môn vững chắc, năng lực tự học và khả năng thích ứng trong môi trường quốc tế.

Thứ hai, chuyển đổi số cũng làm thay đổi phương thức sản xuất, mô hình kinh doanh và cung ứng dịch vụ, cách làm việc và cách sống của con người, dẫn đến thay đổi cả môi trường văn hoá và liên kết xã hội¹. Xã hội tương lai cần những con người được giáo dục toàn diện với những năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu mới trong kỷ nguyên số. Phát triển con người toàn diện phải được đặt ra là mục tiêu quan trọng hàng đầu của GD&ĐT, bắt đầu ngay từ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

Thứ ba, sự phát triển của nền kinh tế đất nước kéo theo gia tăng thu nhập của người dân, cùng với những thay đổi trong cách sống của con người và liên kết xã hội dưới tác động của công nghệ số tác động mạnh nhất tới thế hệ trẻ. Những yêu cầu cao hơn của người học thế hệ mới đối với giáo dục, từ điều kiện cơ sở vật chất và sự quan tâm của nhà trường, nội dung và phương tiện học tập, tới phương pháp giảng dạy và vai trò dẫn dắt của người thầy, cũng đang đặt ra những thách thức lớn cho đổi mới GD&ĐT.

Thứ tư, chuyển đổi số làm thay đổi mô hình và phương thức cung cấp dịch vụ, trong đó có cả các dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT². Điều này một mặt giúp người

¹ Với sự thâm nhập ngày càng sâu của công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ số đang đặt ra những thách thức rất lớn, tiềm ẩn những rủi ro chưa thể đoán định đối với sự phát triển của xã hội. Thế giới ảo đang tạo ra những hàng hoá và giá trị mới cho nền kinh tế, đồng thời cũng tạo ra những thế lực và cám dỗ với những rủi ro khó lường cho xã hội. Mạng internet vạn vật tạo kết hợp với trí tuệ nhân tạo đang giúp chúng ta vận hành các hệ thống tự động và giải quyết hiệu quả hàng loạt các bài toán phức tạp, nhưng cũng tạo ra những rủi ro chưa thể lường hết cho an toàn của cả xã hội và mỗi cá nhân.

² Trong xu thế toàn cầu hoá, các ĐH danh tiếng ở các nước tiên tiến đang tận dụng lợi thế thương hiệu để thu hút tài năng và mở rộng tầm ảnh hưởng, thúc đẩy cung cấp dịch vụ đào tạo xuyên biên giới. Từ nhiều năm nay,

Việt Nam có thêm cơ hội học tập những tiên bộ tri thức mới nhất với chi phí thấp, mặt khác gây áp lực cạnh tranh rất lớn lên hệ thống GD&ĐT trong nước.

Thứ năm, công nghệ số đang tạo ra những điều kiện, những cơ hội rất lớn để đổi mới mạnh mẽ mô hình nhà trường, phương thức tổ chức, phương pháp, phương tiện dạy và học, với chi phí đầu tư hợp lý¹.

Bên cạnh đó, xã hội và người dân Việt Nam luôn đặt kỳ vọng rất lớn đối với GD&ĐT, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao. Trong khi đó, mức độ phát triển kinh tế của đất nước còn hạn chế, do vậy nguồn lực đầu tư cho GD&ĐT nói chung và GDĐH nói riêng cũng rất hạn hẹp. Đầu tư cho GDĐH còn ở mức rất thấp. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), đầu tư công cho GDĐH chỉ chiếm 0,33% GDP, là mức đầu tư rất thấp so với các nước trong khu vực Đông Nam Á và các nước Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)². Tổng nguồn thu của các cơ sở GDĐH công lập trên mỗi sinh viên đang ở mức thấp, trong đó nguồn thu chủ yếu là từ học phí³. Trong khi đẩy mạnh tự chủ ĐH, cắt giảm chi thường xuyên cho các cơ sở GDĐH, thì kỳ vọng của xã hội đối với chất lượng của GDĐH lại ngày càng gia tăng.

4. Các định hướng phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao

4.1. Định hướng chung

- Trước sự phát triển KT-XH gắn với sự phát triển của công nghệ, kỹ thuật, cần nâng cao nhận thức của các bên liên quan trong nền kinh tế cùng tham gia vào công tác đào tạo nguồn nhân lực quốc gia với GD&ĐT. Đào tạo nguồn nhân lực không thể tách rời thực tế sử dụng, các yêu cầu về nguồn nhân lực cần được các đơn vị sử dụng dự báo, đưa ra các đặt hàng cụ thể, cùng tham gia đồng hành trong công tác đào tạo để đào tạo ra lao động có trình độ, chuyên môn phù hợp.

- Các địa phương, đơn vị, tổ chức xã hội cũng cần tham gia vào công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia; xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm

nhiều cơ sở giáo dục trong nước đã khai thác các cơ hội hợp tác để mang đến cho người học các chương trình liên kết quốc tế. Nhưng với những tiến bộ của công nghệ, nhiều trường ĐH nước ngoài đã chuyển dần sang cung cấp trực tiếp cho người học các khoá học trên nền tảng học tập trực tuyến hiện đại với kho học liệu lớn, được chọn lọc kỹ. Không bỏ qua cơ hội mang lại lợi nhuận lớn, một số tập đoàn công nghệ lớn cũng đã tận dụng khai thác nền tảng sẵn có và đặt chân vào lĩnh vực giáo dục.

¹ Chuyển đổi số giúp người học được tiếp cận với nguồn tri thức gần như vô tận của nhân loại, được chọn học lúc nào và ở đâu tiện lợi nhất, thậm chí còn có thể chọn được thầy cô như ý. Công nghệ cho phép học sinh được trải nghiệm nhiều hơn qua tương tác trên môi trường số, được hướng dẫn học theo lộ trình cá thể hoá phù hợp với bản thân. Dựa trên dữ liệu và công nghệ, nhà trường tổ chức quản lý tốt hơn, ra quyết định đúng đắn hơn, có điều kiện nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đồng thời mở rộng quy mô đào tạo, tăng khả năng tiếp cận cho người học.

² Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) là 01 tổ chức phi chính phủ quốc tế có trụ sở chính ở Paris (Pháp), là 01 diễn đàn dành cho các thành viên, hiện là chính phủ của 34 nước kinh tế thị trường phát triển nhất thế giới cũng như 70 nước không phải thành viên, cùng nhau bàn bạc, trao đổi kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề kinh tế cũng như các vấn đề chung khác. Hiện nay, OECD có 34 thành viên, hầu hết trong số đó là các quốc gia có thu nhập cao.

Hiện nay, đầu tư cho GDĐH của Thái Lan là 0,64% GDP, Trung Quốc là 0,87%, Singapore là 1.0%, Malaysia là 1,13%, Anh là 1,29%, Úc là 1,54%, Hà Lan là 1,63%, Phần Lan là 1,89%.

³ Theo số liệu khảo sát của Đề tài mã số KHGD/16-20.ĐT.021 “Cơ sở khoa học quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2035” thuộc Chương trình Khoa học Giáo dục Quốc gia, tổng thu của các trường đại học công lập trên mỗi sinh viên chỉ đạt 14,27 triệu đồng/sinh viên vào năm 2012 và 18,55 triệu đồng/sinh viên vào năm 2016, trong đó thu từ ngân sách nhà nước trên mỗi sinh viên là 3,83 triệu đồng năm 2012 và 4,1 triệu đồng năm 2016.

với thể mạnh kinh tế địa phương và khu vực, để từ đó tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho từng vùng phù hợp, tránh trường hợp đào tạo dư thừa gây lãng phí. Trên quy hoạch chung về phát triển KT-XH và nguồn nhân lực sẽ xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở GD&ĐT, mạng lưới đào tạo nghề phù hợp.

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao yêu cầu chi phí đào tạo rất tốn kém tương ứng với chất lượng, do vậy, cần tăng cường huy động nguồn lực xã hội cùng tham gia trong công tác đào tạo. Đầu tư, kinh phí cần tập trung không chỉ cho cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm... mà đặc biệt dành cho phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên - đây vừa là động lực, vừa là yếu tố quan trọng nhất trong việc đào tạo nên nguồn nhân lực có chất lượng cho tương lai.

- Cần đổi mới cơ chế tài chính theo hướng công khai, minh bạch, phân bổ công bằng dựa trên năng lực và hiệu quả, tăng hỗ trợ trực tiếp cho người học, tăng cường nguồn lực từ nhà nước, từ khu vực tư nhân cho giáo dục nói chung và GDĐH nói riêng. Trong điều kiện kinh phí GD&ĐT của cả nước còn hạn chế, thì việc huy động các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cần được khuyến khích.

- Bên cạnh đó, để sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao cũng cần có chính sách đãi ngộ, sử dụng hợp lý. Nhà nước cần xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chính sách sử dụng đúng nguồn nhân lực. Đặc biệt, Nhà nước, địa phương căn cứ trên quy hoạch mạng lưới nghề nghiệp để có các chính sách đầu tư và sử dụng phù hợp. Tăng cường nâng cao nhận thức của xã hội trong công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các khối trong xã hội từ cấp quốc gia, địa phương đến các doanh nghiệp sử dụng nguồn nhân lực.

4.2. Định hướng và giải pháp của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Hoàn thiện quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở GDĐH và đào tạo sư phạm trong giai đoạn tới; phối hợp với các bộ, ngành và địa phương thực hiện công tác xác định nhu cầu nguồn nhân lực quốc gia và nguồn nhân lực trình độ cao: Ưu tiên đầu tư phát triển đào tạo một số ngành, nhất là đối với những ngành nghề có tác động mạnh mẽ đến tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số; tập trung đầu tư cho một số trường ĐH trọng điểm, nhất là các ĐH quốc gia và trường ĐH hợp tác với nước ngoài trở thành những cơ sở GDĐH có uy tín trong khu vực và thế giới.

- Tiếp tục đổi mới quản trị các cơ sở GDĐH (tăng cường tự chủ ĐH) và quản lý, phân cấp của nhà nước về GDĐH: thực hiện cơ chế tự chủ đối với đào tạo bậc ĐH phù hợp với xu thế chung của thế giới, phát triển các cơ sở GD&ĐT chất lượng cao; triển khai thực hiện Luật GDĐH sửa đổi; bổ sung, hoàn thiện chính sách phát triển, nâng cao chất lượng GDĐH thông qua tạo dựng cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường ĐH lớn và ĐH sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới, xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện tự chủ ở các cơ sở giáo dục; khuyến khích tự chủ trong việc mở ngành đào tạo/chương trình liên kết đào tạo đáp ứng yêu cầu của các cơ quan sử dụng lao động và thu hút các nguồn lực đầu tư.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên nâng cao năng lực phát triển đội ngũ quản lý giáo dục.

- Đào tạo theo hướng tăng cường bảo đảm chất lượng thông qua chuẩn hoá chương trình đào tạo dựa trên chuẩn chương trình; tăng cường kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo xu thế chung của phát triển GDDH, đổi mới phương pháp dạy và học, đào tạo dựa trên nhu cầu năng lực; khuyến khích hợp tác doanh nghiệp trong công tác đào tạo; xây dựng và triển khai chuẩn chương trình đào tạo tiệm cận các chuẩn mực khu vực và quốc tế, từ đó tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đóng góp xứng đáng vào quá trình phát triển KTXH của đất nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, trong dạy và học; thực hiện nhanh việc chuyển đổi số đáp ứng theo yêu cầu phát triển chung của xã hội.

II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2021

1. Một số điểm mới của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021

Ngày 16/4/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg về tăng cường chỉ đạo Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tuyển sinh Đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2021; trong đó Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 có một số điểm mới như sau:

- Bộ GD&ĐT chịu trách nhiệm toàn diện về kỳ thi, trực tiếp ban hành các văn bản chỉ đạo, quy chế, hướng dẫn; công tác đề thi; hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác tổ chức thi và chấm thi trắc nghiệm bằng máy tính; công tác thanh tra, kiểm tra.

- Tiếp tục phân cấp mạnh cho địa phương, theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức kỳ thi trên địa bàn.

- Bộ GD&ĐT có thẩm quyền quyết định phương án xử lý các trường hợp đặc biệt do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh và các tình huống bất thường khác.

- Bổ sung môn tiếng Hàn vào danh mục các môn thi cho thí sinh đã học chương trình giáo dục phổ thông, đăng ký dự thi môn tiếng Hàn xét tốt nghiệp THPT và đăng ký xét tuyển trình độ cao đẳng, ĐH năm 2021.

- Nội dung đề thi nằm trong chương trình THPT, chủ yếu lớp 12 (*đề thi tham khảo đã được công bố vào tháng 03/2021*). Các nội dung kiến thức được tinh giản do tác động của dịch Covid-19 (*năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021*) sẽ không được đưa vào đề thi năm nay.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thi phù hợp với Luật Thanh tra và được tổ chức phù hợp nhưng hiệu quả.

2. Một số điểm mới trong công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2021

Chính sách tuyển sinh có điều chỉnh một số nội dung nhằm phù hợp với điều kiện mới về công nghệ cũng như điều kiện thực tiễn nhu cầu của thí sinh trong các

năm qua, đáp ứng mục tiêu của kì tuyển sinh là gọn nhẹ, giảm tối đa áp lực cho thí sinh, giảm tối thiểu các sai sót trong công tác tuyển sinh từ các đối tượng tham gia, cụ thể:

- Bổ sung phương án, với các địa phương có đủ điều kiện về công nghệ tổ chức thi sinh đăng kí các nguyện vọng xét tuyển vào ĐH, cao đẳng theo hình thức trực tuyến.
- Sau khi có kết quả thi THPT, thí sinh chỉ điều chỉnh nguyện vọng theo phương thức trực tuyến tối đa 03 lần trong thời gian quy định.
- Quy định thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học thông qua việc nộp bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi (*đối với thí sinh tham dự kì thi THPT của năm tuyển sinh*).
- Để tạo thuận lợi tối đa cho thí sinh, kết hợp với chính sách tuyển sinh, Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH; theo đó, các thí sinh có thể chuyển trường, chuyển địa điểm đào tạo giữa phân hiệu và trường, chuyển ngành đào tạo khi đã trúng tuyển vào trường và đáp ứng các điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và của các trường.

Chuyên đề 02:

MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Thực hiện các văn bản của Trung ương về đối ngoại nhân dân (ĐNNĐ), Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành nhiều văn bản về công tác đối ngoại (trong đó có công tác ĐNNĐ) để lãnh đạo, chỉ đạo:

Tỉnh ủy ban hành: Chỉ thị số 03-CT/TU, ngày 01/02/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “*Về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới*”; Chương trình số 11-CTr/TU, ngày 29/4/2016 về phát triển kinh tế đối ngoại, giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 04/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 219-KH/TU, ngày 02/01/2019 về thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030; Quyết định số 2805-QĐ/TU, ngày 23/6/2020 về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (sửa đổi, bổ sung).

UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 2250/QĐ-UBND, ngày 25/11/2015 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Công tác phi chính phủ nước ngoài tỉnh Cao Bằng¹; Kế hoạch số 4312/KH-UBND, ngày 26/12/2018 về việc thực hiện công tác người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2019 - 2020. Hằng năm, UBND tỉnh đều ban hành kế hoạch hoạt động đối ngoại năm để chỉ đạo các đơn vị xây dựng nội dung, chương trình giao lưu nhân dân cho phù hợp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Mở rộng quan hệ đối ngoại

Tỉnh đã tăng cường quan hệ hợp tác với các thành phố Bách Sắc, Sùng Tả của Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); các huyện, xóm, bản biên giới của tỉnh tổ chức giao lưu kết nghĩa huyện, xóm, bản hữu nghị với các huyện, xóm bản biên giới Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc). Mở rộng quan hệ với các địa phương của một số nước như: Tỉnh Mandomac (Cộng hòa Pháp), tỉnh Gangwoon (Hàn Quốc),... có nhiều điểm tương đồng với tỉnh và có tiềm năng, lợi thế trong việc hợp tác phát triển kinh tế. Đồng thời, xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết với đại sứ quán các nước, tổ chức các chuyến đi thăm và làm việc tại các nước: Nga, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Cuba, Australia, Thụy Sĩ,... qua đó mở rộng triển vọng về hợp tác quốc tế, tạo tiền đề và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Hoạt động thúc đẩy xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam

Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư, như: Hội nghị xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch; Hội thảo quốc tế xuất khẩu hàng nông sản, hải sản, hoa quả của Việt Nam sang Trung Quốc qua cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc); Hội nghị kết nối thương nhân xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản qua các cửa khẩu biên giới tỉnh Cao Bằng sang Trung Quốc; Hội nghị phổ biến Hiệp định thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Hằng năm, huyện Quảng Hòa (Cao Bằng, Việt Nam) và huyện Long Châu (Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc)) luân phiên tổ chức Hội chợ “Thương mại quốc tế Tà Lùng - Thủy Khẩu”; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Đoàn đại biểu thành phố Bách Sắc (Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc) luân phiên tổ chức hội đàm trao đổi về các cơ hội, lĩnh vực hợp tác trong Khu kinh tế cửa khẩu. Qua đó, thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược đăng ký đầu tư nhiều dự án lớn tại tỉnh, như: Công ty cổ phần Tập đoàn Sungroup, Tập đoàn FLC, TH true milk, TNG Holdings Việt Nam, Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả... Trong 05 năm (2015 - 2020), toàn tỉnh có 294 dự án được triển khai với tổng vốn đăng ký trên 72.000 tỷ đồng.

Tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và ngoài nước, các hoạt động nằm trong Chương trình xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các hoạt động xúc

¹ Ban Công tác phi chính phủ nước ngoài tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND, ngày 15/10/2010 của UBND tỉnh. Hằng năm, Ban Công tác phi chính phủ nước ngoài tỉnh Cao Bằng được kiện toàn, bổ sung để đảm bảo sự tham gia đầy đủ và kịp thời của các cơ quan liên quan.

tiền đầu tư khác của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và của các bộ, ngành Trung ương liên quan. Tham gia các hội nghị quốc tế tại Thành phố Hà Nội để quảng bá địa phương, quảng bá hình ảnh, giới thiệu môi trường, lĩnh vực thu hút đầu tư và nhu cầu phát triển, hợp tác quốc tế của tỉnh. Biên soạn và phát hành tài liệu quảng bá tiềm năng của tỉnh, như: Cuốn sách “Bốn mùa sản vật Cao Bằng”; Cuốn sổ tay “Cao Bằng - Cơ hội đầu tư và hợp tác”; Ấn phẩm Non nước Cao Bằng với chủ đề “Thác Bản Giốc - Tuyệt tác của thiên nhiên”; Clip “Cao Bằng - Miền cổ tích”; các tờ rơi, catalogue quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh, catalogue quảng bá khu kinh tế tỉnh “Cao Bằng - Tiềm năng, đầu tư và phát triển”.

Tổ chức các Đoàn công tác của tỉnh đi học tập kinh nghiệm phát triển kinh tế và tham dự các hội nghị tại nước ngoài như: Tọa đàm “Cơ hội hợp tác kinh tế giữa bang Victoria (Australia) và các địa phương Việt Nam”; thăm và học tập một số cơ sở kinh tế tiêu biểu tại bang Victoria (Australia), một số địa phương của Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ,... qua đó quảng bá hình ảnh, giới thiệu môi trường, lĩnh vực thu hút đầu tư của tỉnh tới các nhà đầu tư nước ngoài.

Xác định ngoại giao văn hóa là sức mạnh mềm trong ĐNND, tỉnh đã chủ trương thúc đẩy và tận dụng các cơ hội để tăng cường giao lưu văn hóa với địa phương của quốc gia khác, đặc biệt với Trung Quốc thông qua các hoạt động giao lưu văn nghệ nhân dịp Hội xuân giữa các huyện biên giới của tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc).

3. Hoạt động vận động và khai thác nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài

Ban Công tác phi chính phủ nước ngoài tỉnh Cao Bằng đã tích cực vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài viện trợ cho tỉnh tập trung vào các lĩnh vực: Y tế, giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, tài nguyên - môi trường, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế hộ gia đình, hỗ trợ xây mới, cải tạo, sửa chữa các công trình trạm y tế, trường học, nước sinh hoạt, mương thủy lợi, đường giao thông nông thôn... Giai đoạn 2015 - 2020, toàn tỉnh có 54 chương trình, dự án do 17 tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ với tổng số tiền là 14.807.020 USD, hiện nay đã giải ngân được 13.329.921 USD. Kết quả thực hiện các dự án phi chính phủ nước ngoài tài trợ đã đóng góp thiết thực vào việc nâng cao mức sống và cải thiện sinh kế cho người dân vùng dự án.

4. Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại

Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại gắn với tuyên truyền ĐNND; phản ánh kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh; quảng bá tiềm năng, lợi thế của tỉnh để kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong 05 năm (2015 - 2020), Sở Ngoại vụ đã phát hành 9.000 cuốn Bản tin đối ngoại cung cấp cho các huyện biên giới và các tổ chức nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; các cơ quan báo chí tỉnh đăng tải hơn 600 tin, bài tuyên truyền các hoạt động đối ngoại, ĐNND diễn ra trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác nghiên cứu, tổng kết, dự báo, tham mưu về đối ngoại nhân dân

Tỉnh đã thực hiện phân công, hoàn thiện cơ chế phối hợp quản lý các hoạt động ĐNND, đảm bảo thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, gắn kết đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và ĐNND trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh việc chú trọng nâng cao nhận thức của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể địa phương về vai trò của ĐNND trong tình hình mới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tỉnh còn chỉ đạo tăng cường công tác nghiên cứu, tổng kết, dự báo, tham mưu kịp thời cho lãnh đạo các cấp, các ngành về công tác ĐNND, đề xuất những chủ trương định hướng chỉ đạo và tổ chức thực hiện của tỉnh trong lĩnh vực này.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện tốt công tác ĐNND. Việc huy động nguồn lực của tỉnh kết hợp với nguồn ngoại lực để xây dựng kết cấu hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Nhận thức về vai trò của công tác ĐNND trong tình hình mới của các cấp, các ngành và các đoàn thể đã có nhiều chuyển biến tích cực; công tác quản lý nhà nước về hoạt động ĐNND được thực hiện có hiệu quả và có sự phân công, phân cấp rõ ràng.

Công tác truyền truyền, quảng bá địa phương, phát triển kinh tế đối ngoại, hoạt động xúc tiến đầu tư được tăng cường thường xuyên, bám sát các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác ĐNND chưa được các cấp, các ngành chú trọng quan tâm, còn nhiều hạn chế.

- Quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Cao Bằng với các tỉnh, thành phố của Trung Quốc trên một số lĩnh vực về ĐNND chưa đạt hiệu quả cao. Phía Trung Quốc chưa nghiêm túc thực hiện Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc và các Biên bản Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, gây khó khăn trong quá trình triển khai hợp tác ĐNND.

2.2. Nguyên nhân

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu tình hình quan hệ quốc tế và khu vực, dự báo những vấn đề tác động đến địa phương để tham mưu chiến lược đối ngoại, ĐNND cho tỉnh còn thiếu và yếu. Một số cấp ủy, chính quyền chưa năng động, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động ĐNND. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Phương hướng

- Tiếp tục tăng cường công tác ĐNND trong mọi hoạt động của các ngành, các cấp, các địa phương. Đổi mới phương thức hoạt động ĐNND phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; tăng cường mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, đặc biệt là với Trung Quốc.

- Đẩy mạnh công tác kết nối, hợp tác ĐNND ở tất cả các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế đặc thù để huy động mọi nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư, nhà doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đến hợp tác, xúc tiến đầu tư vào tỉnh.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại giao cho cán bộ làm công tác ngoại giao, công tác ĐNND của tỉnh. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác đối ngoại nói chung và ĐNND nói riêng; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại và ĐNND. Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình vận động phi chính phủ nước ngoài tỉnh Cao Bằng; xây dựng kế hoạch vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025; xây dựng và thực hiện có hiệu quả chương trình hoạt động đối ngoại hằng năm gắn kết các hoạt động đối ngoại với chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch.

- Tiếp tục mở rộng và chủ động đưa quan hệ của tỉnh với các địa phương các nước, các tổ chức, tập đoàn kinh tế, tài chính quốc tế, nhất là với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), trực tiếp là hợp tác với 02 thành phố: Sùng Tả, Bách Sắc và 04 huyện biên giới giáp với tỉnh (Nà Po, Tịnh Tây, Long Châu, Đại Tân).

- Thúc đẩy việc xây dựng đường giao thông kết nối thương mại; tích cực nghiên cứu xây dựng mô hình thí điểm hợp tác quản lý cửa khẩu, xây dựng, nâng cấp, mở cửa các cửa khẩu và cặp chợ biên giới, hợp tác du lịch qua biên giới, phối hợp triển khai hợp tác trao đổi trên các lĩnh vực. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ủy ban Điều phối cấp tỉnh thực hiện Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

- Thực hiện tốt các cam kết, thỏa thuận hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài; chủ động đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, tích cực thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, tập trung vào các vùng kinh tế trọng điểm, phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương. Tiếp tục rà soát các vấn đề tồn tại, khó khăn, vướng mắc của tỉnh với các đối tác nước ngoài, tổng hợp thông tin, kịp thời báo cáo các cơ quan Trung ương đưa vào chương trình đàm phán với nước bạn.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, chủ động nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về kinh tế; phát huy cơ chế chỉ đạo, kiểm tra giám sát và phối hợp trong triển khai

các hoạt động hội nhập quốc tế, tăng cường rà soát, xây dựng cơ chế chính sách, xây dựng quy hoạch phát triển của tỉnh phù hợp với lộ trình cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam; đổi mới cải cách hành chính; hiện đại hóa kết cấu hạ tầng; tập trung đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở khu kinh tế cửa khẩu. Đẩy mạnh vận động và khai thác nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn viện trợ góp phần giảm nghèo nhanh và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các hội đồng hương Việt kiều gốc Cao Bằng ở các nước; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, kêu gọi kiều bào gốc Cao Bằng là các chuyên gia, nhà khoa học, trí thức... hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, đào tạo tại địa phương.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại nói chung và công tác ĐNND nói riêng. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại giao cho cán bộ làm công tác đối ngoại, công tác ĐNND của tỉnh. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại giao nhân dân cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của các sở, ngành của tỉnh, đảm bảo việc bố trí cán bộ và các nguồn lực cần thiết phục vụ cho hoạt động đối ngoại nói chung và ngoại giao nhân dân nói riêng.

Chuyên đề 03:

KẾT QUẢ 03 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO NON NƯỚC CAO BẰNG (2018 - 2020); PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo xây dựng và phát triển Công viên địa chất (CVĐC) toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, như: Kế hoạch số 825/KH-BCĐ, ngày 04/4/2018 về công tác xây dựng CVĐC Non nước Cao Bằng năm 2018; Kế hoạch số 1090/KH-UBND, ngày 12/4/2019 về công tác xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2019 - 2022; Quyết định số 1416/QĐ-UBND, ngày 29/8/2019 về việc điều chỉnh bổ sung Đề án thành lập, xây dựng và phát triển CVĐC tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020;...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Hoạt động tham gia mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO và hợp tác quốc tế

UBND tỉnh thành lập đoàn công tác tham dự Hội nghị chấp hành UNESCO, vận động hành lang cho Hồ sơ CVĐC toàn cầu UNESCO tại Cộng hòa Pháp (tháng 4/2018); Hội nghị quốc tế CVĐC toàn cầu UNESCO lần thứ 8 tại Italia (tháng 9/2018); Hội nghị quốc tế CVĐC lần thứ 6 mạng lưới Châu Á - Thái Bình

Dương tại Indonesia (tháng 9/2019). Tổ chức Hội thảo quốc tế “Phát triển du lịch bền vững thông qua mô hình CVĐC toàn cầu UNESCO” tại Cao Bằng năm 2019 với sự tham gia của 250 đại biểu trong nước và 11 đại biểu quốc tế¹.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tham dự các cuộc họp tổng kết và triển khai nhiệm vụ thường niên của Tiểu Ban chuyên môn CVĐC Việt Nam và Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam; phối hợp với Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam tiếp nhận 02 tình nguyện viên của Ủy ban quốc gia UNESCO Cộng hòa Liên bang Đức đến làm việc tại CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn trực tuyến về CVĐC, quản lý và phát huy danh hiệu CVĐC toàn cầu UNESCO...

2. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về CVĐC toàn cầu UNESCO

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức được 12 lớp cấp tỉnh, 27 lớp cấp huyện với trên 3.800 học viên² để tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về CVĐC toàn cầu UNESCO.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành cuốn tài liệu tuyên truyền giáo dục về CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng trong các trường phổ thông, bộ tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình “Câu lạc bộ cùng em khám phá CVĐC” và “Bộ tài liệu khung cho hoạt động cùng em khám phá CVĐC”; tổ chức 02 cuộc hội thảo và 06 buổi tập huấn thực tế tại các điểm di sản cho 212 giáo viên phụ trách mô hình “Câu lạc bộ cùng em khám phá CVĐC” và 120 em học sinh là thành viên của Câu lạc bộ tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trong vùng CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

3. Công tác quảng bá về CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phát hành 16 bản tin (04 bản/năm), 03 quyển sách hướng dẫn du lịch CVĐC (Guide book) và các tờ rơi, bản đồ 03 tuyến du lịch CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng với tổng số lượng in ấn là 141.500³ ấn phẩm phục vụ công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng tại các sự kiện lớn của tỉnh, các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, các đối tác của CVĐC, các trung tâm thông tin CVĐC, các khu, điểm du lịch, hội chợ trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh công tác quảng bá, gắn logo CVĐC trên các sản phẩm: Giỏ cỏ lam, chè Kolia, miến dong

¹ Đại biểu quốc tế gồm: Chủ tịch Hội đồng CVĐC toàn cầu UNESCO, Chủ tịch Hiệp hội Khoa học địa chất toàn cầu, Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, Văn phòng UNESCO tại khu vực châu Mỹ La tinh, CVĐC toàn cầu IRAN, Thái Lan, Malaysia, mạng lưới CVĐC toàn cầu châu Âu;...

² Đối tượng tuyên truyền là cán bộ, công chức, viên chức các sở ban ngành trong tỉnh, phòng văn hóa thông tin các huyện, thành phố, cán bộ phụ trách Văn hóa - Xã hội thuộc 199 xã, phường, thị trấn và đoàn thanh niên trên địa bàn tỉnh, các hướng dẫn viên tại các khu điểm du lịch, đối tác CVĐC, thuyết minh viên, tình nguyện viên phục vụ hướng dẫn khách tham quan tại các điểm di sản trên 03 tuyến du lịch CVĐC, người quản lý và người lao động tại các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

³ Gồm: 3.000 bản tin, 3.500 cuốn sách hướng dẫn 03 tuyến du lịch, 30.000 tờ rơi, 30.000 truyền thông trên bưu thiếp, 50.000 phong bì thư có hình ảnh CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, 25.000 truyền thông trên thư và bưu gửi trên mạng lưới Bưu điện có mô hình dịch vụ (maquette demo).

Nguyên Bình; dệt thổ cẩm Lũng Nọi (Hà Quảng)... tại các hội chợ, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế.

Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng bộ phim tài liệu 03 tập giới thiệu về những di sản địa chất của CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; phối hợp với Đoàn quay phim của Đại học quốc gia Chonam và Đài Truyền hình MBC của Hàn Quốc làm phim giới thiệu, quảng bá về CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng phát sóng toàn cầu; hỗ trợ Đoàn phóng viên, biên tập viên chuyên trách về UNESCO tác nghiệp tại Cao Bằng đăng tải hơn 100 tin, bài, ảnh, clip thông tin, tuyên truyền về tỉnh Cao Bằng trên các báo Trung ương, báo ngành.

Duy trì và đẩy mạnh các trang web: caobanggeopark.com (trang thông tin chính thức của CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng) đến nay, có trên 780.000 lượt truy cập, trung bình 50.000 lượt truy cập/tháng; mạng xã hội facebook (bằng tiếng Anh và tiếng Việt) để tuyên truyền, quảng bá về CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

Báo Cao Bằng đăng trên 1.000 tin, bài, ảnh phản ánh về hoạt động thông tin đối ngoại và CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh duy trì chuyên mục “Du lịch Non nước Cao Bằng”, biên tập, biên dịch thông tin về CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng bằng 04 thứ tiếng (Kinh, Tày - Nùng, Mông, Dao) để phát trên sóng phát thanh.

4. Công tác xây dựng, phát triển 03 tuyến du lịch CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với các đơn vị hoàn thành việc xây dựng 03 tuyến du lịch trong vùng CVĐC Non nước Cao Bằng: Tuyến Du lịch cụm phía Tây “*Khám phá Phía Bắc - vùng núi của những đổi thay*” (huyện Nguyên Bình); tuyến du lịch cụm phía Bắc “*Hành trình về nguồn cội*” (gồm huyện Hòa An, Hà Quảng); tuyến Du lịch cụm phía Đông “*Trải nghiệm văn hóa bản địa ở xứ sở thần tiên*” (gồm 03 huyện Quảng Hoà, Trùng Khánh và Hạ Lang). Xây dựng các hạng mục cơ sở vật chất trên 03 tuyến du lịch, gồm: 43 điểm tham quan du lịch ngắm cảnh; 05 trung tâm thông tin, điểm trưng bày tuyên truyền CVĐC; 03 cụm tuyên truyền, giáo dục ngoại khóa; phát triển 20 đối tác CVĐC; 21 bãi đỗ xe, dừng chân ngắm cảnh; 29 biển báo điểm CVĐC; 34 biển thuyết minh tại điểm di sản; 09 biển cổng chào/quảng bá CVĐC.

Phối hợp với các đơn vị Sở Giao thông - Vận tải, đồng thời tham vấn ý kiến Viện Khoa học địa chất và Khoáng sản và chuyên gia tư vấn UNESCO đề xuất phương án xử lý nắn tuyến cục bộ, sửa chữa nền, mặt đường và công trình ở các vị trí liên quan đến CVĐC Non nước Cao Bằng. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức Hội thảo cấp tỉnh “Giới thiệu bộ tài liệu hướng dẫn thực hành phát triển du lịch bền vững trong vùng CVĐC Non nước Cao Bằng” để giới thiệu, đề xuất chiến lược tầm nhìn về nội dung phát triển du lịch bền vững và hướng dẫn thực hành du lịch bền vững cho các huyện, các đơn vị, cá nhân liên quan đến phát triển du lịch và cung cấp dịch vụ du lịch trong tỉnh nói chung và trong vùng CVĐC Non nước Cao Bằng nói riêng. Phối hợp với chuyên gia UNESCO và Viện Khoa học địa chất và Khoáng sản hoàn thiện hồ sơ mở rộng

ranh giới CVĐC Non nước Cao Bằng ra khu vực thành phố để làm căn cứ triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

Phối hợp với các huyện trong vùng CVĐC tiến hành bàn giao hệ thống biển bảng để tăng cường sự tham gia của chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư trong công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ, bảo tồn và phát huy các điểm di sản trong vùng CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Công tác xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và chính quyền các cấp; sự quan tâm ủng hộ và hỗ trợ về chuyên môn từ các bộ, ngành và cơ quan trung ương, đặc biệt là Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản trong triển khai các nhiệm vụ về phát triển và phát huy giá trị của mô hình CVĐC toàn cầu UNESCO tại Cao Bằng.

UBND các huyện trong vùng CVĐC và các sở, ban, ngành đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng CVĐC Non nước Cao Bằng theo những tiêu chí của UNESCO.

Danh hiệu CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng đã có những đóng góp tích cực cho ngành du lịch của tỉnh, đặc biệt là trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững, tăng cường hiệu ứng quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch của tỉnh, góp phần tích cực trong việc khuyến khích thúc đẩy phát triển các mô hình, loại hình dịch vụ du lịch (du lịch cộng đồng, homestay, phát triển hệ thống đối tác CVĐC...) phục vụ khách du lịch.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Các văn bản hướng dẫn chi tiết hiện hành liên quan đến mô hình CVĐC tại Việt Nam còn thiếu, đặc biệt là các văn bản quy định quản lý vùng lõi CVĐC.

- Nhận thức của một số người dân về trách nhiệm bảo vệ các điểm di sản CVĐC và dựa vào mô hình công viên để phát triển bền vững chưa cao nên chưa phát huy được hiệu quả, nguồn lực của cộng đồng trong việc bảo vệ, quản lý và phát huy các giá trị di sản, điểm di sản.

- Tổ chức bộ máy Ban quản lý CVĐC Non nước Cao Bằng đang kiện toàn, bổ sung, tuyển dụng nhân sự nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. CVĐC Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận CVĐC toàn cầu nên các yêu cầu vận hành, quản lý CVĐC theo mô hình toàn cầu đòi hỏi chuyên môn sâu theo các tiêu chí UNESCO; khối lượng công việc phát sinh và theo quy định mới của tổ chức UNESCO nhiều nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai hoạt động của Ban quản lý CVĐC Non nước Cao Bằng.

- Do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai một số hoạt động chuyên môn theo lộ trình kế hoạch đã đề ra.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng, phát triển CVĐC Non nước Cao Bằng theo các tiêu chí CVĐC toàn cầu của UNESCO. Khai thác và phát huy hiệu quả giá trị mô hình CVĐC theo hướng bền vững, phù hợp với mục tiêu và định hướng của UNESCO. Phát huy tối đa các lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, di sản địa chất, văn hóa lịch sử nổi bật trong vùng công viên hướng tới mục tiêu thúc đẩy phát triển ngành du lịch Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm giữ vững được danh hiệu CVĐC toàn cầu UNESCO khi Hội đồng chấp hành UNESCO tiến hành tái thẩm định.

Tuyên truyền, quảng bá thương hiệu du lịch Cao Bằng gắn với CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, hướng tới xây dựng Cao Bằng làm điểm đến du lịch hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế, có khả năng lan tỏa rộng rãi trên bản đồ du lịch khu vực và thế giới.

Xây dựng thương hiệu du lịch Cao Bằng và phát triển du lịch bền vững, coi CVĐC là nhân tố cốt lõi để xây dựng một mô hình phát triển kinh tế - xã hội mới, bền vững, phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương, góp phần bảo vệ được môi trường, bảo tồn thiên nhiên, sử dụng hợp lý tài nguyên, giữ gìn và phát huy tối đa mọi giá trị về văn hóa, lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, tận dụng được tiềm năng thế mạnh của tỉnh trong các lĩnh vực: Du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng, tăng cường thu hút đầu tư các khu du lịch trọng điểm nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2022

Triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các hoạt động, nhóm công việc theo yêu cầu và khuyến nghị của UNESCO và mạng lưới CVĐC toàn cầu đối với CVĐC Non nước Cao Bằng, đặc biệt các hoạt động liên quan đến cải thiện công tác vệ sinh môi trường, quản lý rác thải trong vùng CVĐC, phát triển bền vững, quản lý và bảo vệ các di sản địa chất, văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên trong vùng công viên.

Hoàn thành việc triển khai các nhóm công việc liên quan trong các kỳ tái thẩm định của mạng lưới CVĐC toàn cầu UNESCO.

Hoàn thiện cơ bản các hạng mục cơ sở vật chất các tuyến du lịch CVĐC: Hệ thống biển, bảng thuyết minh, biển chỉ dẫn; cải tạo, xây dựng, nâng cấp các trung tâm thông tin, bảo tàng, điểm trưng bày của CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng... đảm bảo đồng bộ, chất lượng phục vụ khách tham quan du lịch.

Phát triển và đào tạo nâng cao năng lực cho hệ thống đối tác CVĐC, hoàn thiện và áp dụng hiệu quả bộ tiêu chí của đối tác CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

2.2. Đến năm 2025

Mô hình CVĐC Non nước Cao Bằng cơ bản được khai thác và phát huy hiệu quả trở thành nhân tố quan trọng, giữ vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy phát triển

bền vững ngành du lịch tỉnh Cao Bằng, phát triển du lịch cộng đồng, tăng cường sinh kế cho người dân địa phương.

Xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch xanh, thân thiện với môi trường và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội có sự tham gia của người dân đảm bảo công bằng trong quá trình thực hiện.

Mô hình CVĐC toàn cầu UNESCO trở thành một trong những nội dung hỗ trợ tỉnh phát triển và đóng góp cho việc thực hiện 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN THỜI GIAN TỚI

1. Những nội dung tuyên truyền theo Tài liệu Báo cáo viên tháng 5/2021

1.1. Phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; những điểm mới trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học năm 2021

Tuyên truyền quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng, Nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong hệ thống chính trị, ngành GD&ĐT và toàn xã hội, tạo sự đồng thuận cao, coi GD&ĐT là quốc sách hàng đầu. Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng GD&ĐT của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình. Tuyên truyền những điểm mới trong kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học năm 2021.

1.2. Kết quả 03 năm xây dựng và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng (2018 - 2020); phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền đến các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về những kết quả đạt được sau 03 năm xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng (2018 - 2020). Trong đó, chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về giữ gìn và phát huy tối đa giá trị về văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc, cảnh quan thiên nhiên, di sản địa chất để xây dựng, phát triển CVĐC Non nước Cao Bằng theo các tiêu chí CVĐC toàn cầu của UNESCO; coi CVĐC là nhân tố quan trọng để xây dựng một mô hình phát triển KT - XH mới, bền vững, phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương; xây dựng Cao Bằng là điểm đến du lịch hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế, có khả năng lan tỏa rộng rãi trên bản đồ du lịch khu vực và thế giới.

1.3. Một số kết quả thực hiện công tác đối ngoại nhân dân giai đoạn 2015 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025

Tuyên truyền sâu rộng tới các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về những kết quả thực hiện công tác đối ngoại nhân dân giai đoạn 2015 - 2020. Tuyên truyền khẳng định: Tỉnh Cao Bằng đã chủ động mở rộng, thiết lập ngày càng nhiều mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các địa phương, vùng, lãnh thổ nước ngoài, quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao, tổ chức phi chính phủ nước ngoài... qua đó hoạt động đối ngoại nói chung, đối ngoại nhân dân nói riêng của tỉnh ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước; đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết các vấn đề xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

2. Những nội dung trọng tâm khác cần tập trung tuyên truyền

- Tuyên truyền sự lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đối với công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; nhấn mạnh vai trò, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị cũng như cử tri, góp phần vào sự thành công của cuộc bầu cử. Tập trung tuyên truyền kết quả bầu cử và không khí dân chủ, đúng pháp luật trong bầu cử, nhất là ý thức tự giác thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của cử tri.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến rộng rãi tới cán bộ, đảng viên và nhân dân về lý luận và thực tiễn của chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển đất nước thể hiện trong nội dung cơ bản, cốt lõi của văn kiện Đại hội XIII của Đảng; tập trung làm rõ chủ đề Đại hội, nhấn mạnh mục tiêu “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”; đi sâu phân tích những điểm mới, quan điểm nổi bật trong chỉ đạo, các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, 12 nội dung định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 khâu đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng; cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức trong những năm tới.

- Tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911 - 05/6/2021), 80 năm Ngày Người về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/01/1941 - 28/01/2021).

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phòng, chống dịch bệnh Covid-19; không phát ngôn, đăng tải, bình luận, chia sẻ, cổ súy những thông tin chưa được kiểm chứng hoặc chưa có kết luận chính thức của cơ quan chức năng về dịch Covid-19; tuyên truyền cảnh báo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch bệnh; thực hiện nghiêm yêu cầu 5K (Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế) của Bộ Y tế, kết hợp với các biện pháp khác để bảo đảm sức khỏe, tính mạng cho bản thân, gia đình và xã hội.

- Tiếp tục tuyên truyền công tác triển khai các bước Dự án đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn năm 2030; trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người dân trong thực hiện các chương trình, dự án, đề án.

1871

1871

1871
1871
1871